TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/4/2020.
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tấn Lợi –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*"; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 293A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận P, TP Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: **Trần Hồng H**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị Mỹ L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hồng H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 03/5/2018.

Trong quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, chị và anh H sống chung bên gia đình cha mẹ ruột của chị. Trong cuộc sống, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình mà chỉ biết bản thân anh H. Về kinh tế gia

đình, anh H cũng không phụ tiếp với chị đề nuôi con và cùng phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh H còn ghen tuông vô cớ, mỗi khi chị đi làm thì anh H cho rằng chị có quan hệ với người đàn ông khác, anh H có những lời lẽ thô tục với chị và gia đình chị, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cự cãi và mâu thuẩn vợ chồng ngày trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc khác trong quá trình chung sống anh H còn gây áp lực cho vợ con, anh H đi nói xấu gia đình bên chị, ảnh hưởng đến uy tín của chị và gia đình chị. Tuy sống chung với gia đình bên vợ nhưng anh H muốn đi đâu thì đi muốn khi nào thì về, sống không ổn định, không tôn trọng cha mẹ vợ.

Vợ chồng không còn sống chung với nhau khoảng 8 tháng nay. Bản thân chị hiện nay không còn tình cảm với anh H, cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hồng H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Lê Minh K, sinh ngày 20/8/2018. Hiện nay, con đang sống chung với chị. Khi hôn hôn, chị chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Căn cứ yêu cầu được nuôi con: Từ khi ly thân đến nay con sống chung với chị, cuộc sống, học tập và môi trường sinh hoạt hiện rất tốt; ngoài ra, chị có công việc ổn định, mức lương khoảng 8 triệu đồng một tháng, đủ khả năng nuôn con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng.

***** *Trong quá trình tố tụng, bị đơn Trần Hồng H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời, anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* *Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp*:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

+ Khai sinh tên Trần Lê Minh K (photo);

+ Giấy CMND, Hộ khẩu Nguyên đơn (photo);

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thảo Nguyên là yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hồng H và yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn tại Ấp 5, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Trần Hồng H, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H và thông báo về nội dung vụ án cho anh H biết; ngoài ra, cũng đã triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa xét xử nhưng anh H vắng mặt có đơn xin vắng mặt phiên họp, hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Hồng H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống và kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 10/4/2013. Như vậy, hôn nhân của chị L và anh H là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống: Trong thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng anh chị có hạnh phúc, nhưng thời gian sau này không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn, phát sinh từ việc anh H không quan tâm, lo lắng đến gia đình con cái dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn; ngoài ra, mọi việc kinh tế gia đình, chăm sóc con cái đều do chị L phụ trách, anh H không quan tâm. Mặc dù, chị L đã nhiều lần tâm sự, trao đổi với anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau nhưng anh H không thay đổi bản thân, nên cả hai đều không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; bên cạnh đó, anh H và chị L đã ly thân khoảng 8 tháng

nay, trong thời gian ly thân anh chị có gặp nhau nhưng không hàn gắn được, gia đình hai bên cũng không giải quyết gì cho anh chị.

Trong quá trình tố tụng, anh H không có văn bản ý kiến trình bày phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét giải quyết.

Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật TT Dân sự; Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[2.2] Xét về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh H có 01 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 20/8/2018, theo khai sinh đăng ký ngày 23/4/2014 là đúng sự thật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Nhận thấy, hiện nay cháu Khang đang sống chung với chị L, cuộc sống của các cháu đang ổn định, đời sống sinh hoạt, môi trường học tập vẫn ổn định và phát triển về mọi mặt; bên cạnh đó, chị L hiện có công việc thu nhập ổn định đủ để nuôi con ăn học. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị L là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

Xét về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật (bằng ½ mức lương cơ sở), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị L là có căn cứ.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh H vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Đương sự trình bày, không có nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4] Xét về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ L.

[2.5] Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Hồng H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 20/8/2018, theo khai sinh đăng ký ngày 23/4/2014. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng, cụ thể mỗi con chung hàng tháng với số tiền bằng ½ tháng lương của mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ tháng 04/2020 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Trần Hồng H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Chị L và anh H không có nợ ai, cũng không có ai nợ chị L và anh H.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009476 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị L được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng, anh H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh